

**THÔNG BÁO**  
**Về kết quả xét duyệt Bảo trợ xã hội năm 2025**  
**Đối tượng người khuyết tật**

Căn cứ Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; Thông tư 01/2019/TT-BLĐTB&XH ngày 02 tháng 01 năm 2019 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội.

Căn cứ kết quả xác định dạng tật, mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Kê Sắt họp ngày 26 tháng 8 năm 2025 đã xác định được dạng tật và mức độ khuyết tật cho 21 đối tượng cụ thể như sau:

(có danh sách kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã Kê Sắt thông báo cho toàn thể nhân dân được biết và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã từ ngày 04/9/2025 đến ngày 10/9/2025 để các đối tượng cùng toàn thể nhân dân được biết và rà soát kiểm tra. Nếu có nội dung nào chưa phù hợp đề nghị phản ánh bằng văn bản gửi về UBND xã qua Trưởng các thôn, khu hoặc Phòng Văn hoá - xã hội để tiếp thu và giải quyết. Nếu sau thời gian trên không có ý kiến khác, UBND xã lập hồ sơ phê duyệt để đối tượng được hưởng chế độ theo quy định./. *Stp*

**Nơi nhận:**

- Trung tâm TT (để t/b);
- Lưu: VT.

**TL. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



*Decp*  
**Phạm Đình Quỳnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ KẼ SẶT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

**DANH SÁCH**  
**XÁC ĐỊNH DẠNG TẬT, MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG**  
**NGƯỜI KHUYẾT TẬT ĐƯỢC XÁC ĐỊNH THÁNG 8 NĂM 2025**

| STT | Họ và tên     | Ngày, tháng, năm sinh | Thôn      | Dạng tật | Mức độ khuyết tật | Hệ số hưởng | Hưởng mức trợ cấp | Thời gian hưởng từ | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------------|-----------|----------|-------------------|-------------|-------------------|--------------------|---------|
| 1   | Bùi Đình Hùng | 19/8/1958             | Me Vàng   | Vận động | Đặc biệt nặng     | 2.5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 2   | Đặng Xuân Tú  | 30/3/1969             | Thôn 4    | Vận động | Đặc biệt nặng     | 2           | 1,100,000         | 01/9/2025          |         |
| 3   | Nguyễn Hà Anh | 13/8/2019             | Thôn 1    | Trí Tuệ  | Đặc biệt nặng     | 2.5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 4   | Lại Tuấn Sửu  | 18/01/1948            | Thôn 2    | Vận động | Đặc biệt nặng     | 2.5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 5   | Vũ Thị Như    | 01/01/1930            | Vĩnh Lại  | Vận động | Đặc biệt nặng     | 2.5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 6   | Đinh Bảo Ngọc | 02/3/2020             | Lý Đông   | Trí Tuệ  | Đặc biệt nặng     | 2.5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 7   | Bùi Thị Thân  | 05/7/1956             | Thôn Hạ   | Vận động | Đặc biệt nặng     | 2.5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 8   | Hoàng Văn Lan | 29/3/1962             | Thôn 1    | Vận động | Đặc biệt nặng     | 2.5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 9   | Vũ Thị Hào    | 01/01/1960            | Thôn 3    | Vận động | Đặc biệt nặng     | 2,5         | 1,375,000         | 01/9/2025          |         |
| 10  | Vũ Thị Mận    | 01/01/1962            | Bằng Trai | Vận động | Nặng              | 2           | 1,100,000         | 01/9/2025          |         |

|    |                |            |          |          |               |     |           |           |                       |
|----|----------------|------------|----------|----------|---------------|-----|-----------|-----------|-----------------------|
| 11 | Lê Thị Hệ      | 07/01/1960 | My Thữ   | Khác     | Nặng          | 2   | 1,100,000 | 01/9/2025 |                       |
| 12 | Lê Huy Thoại   | 26/6/1946  | Lại      | Vận động | Nặng          | 2   | 1,100,000 | 01/9/2025 |                       |
| 13 | Phạm Thị Huệ   | 04/6/1997  | Phục Lễ  | Trí Tuệ  | Nặng          | 1.5 | 825,000   | 01/9/2025 |                       |
| 14 | Phạm Thị Thục  | 01/8/1954  | Thôn Hạ  | Vận động | Nặng          | 2   | 1,100,000 | 01/9/2025 |                       |
| 15 | Lê Thị Chín    | 05/6/1959  | My Khê   | Trí tuệ  | Nặng          | 2   | 1,100,000 | 01/9/2025 |                       |
| 16 | Cao Xuân Hiểu  | 13/01/2016 | Thôn 5   | Trí Tuệ  | Nặng          | 2   | 1,100,000 | 01/9/2025 |                       |
| 17 | Lê Thị Luật    | 20/5/1957  | Lại      | Vận động | Nặng          | 2   | 1,100,000 | 01/9/2025 |                       |
| 18 | Hà Thị Dấu     | 12/5/1932  | Vĩnh Lại | Vận động | Đặc biệt nặng |     |           | 01/9/2025 | Thêm người nuôi dưỡng |
| 19 | Nguyễn Thị Nét | 01/01/1939 | My Khê   | Vận động | Đặc biệt nặng |     |           | 01/9/2025 | Thêm người nuôi dưỡng |
| 20 | Vũ Gia Bảo     | 31/12/2014 | Thôn 3   | Trí tuệ  | Nhẹ           |     |           | 01/9/2025 | Được cấp thẻ BHYT     |
| 21 | Vũ Đức Anh     | 30/7/1992  | Quán Gỏi | Nhìn     | Nhẹ           |     |           | 01/9/2025 | Được cấp thẻ BHYT     |